

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo nền, mặt đường và công trình đoạn Km20+500 - Km37+00, ĐT.543B, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An (nay thuộc các xã Yên Na, Lượm Minh, Tương Dương, tỉnh Nghệ An)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo nền, mặt đường và công trình đoạn Km20+500 - Km37+00, ĐT.543B, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An (nay thuộc các xã Yên Na, Lượm Minh, Tương Dương, tỉnh Nghệ An) và Văn bản số 4973/SXD-QLDA ngày 16/7/2025 về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 5843/SNNMT-BVMT ngày 23/7/2025 về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo nền, mặt đường và công trình đoạn Km20+500 - Km37+00, ĐT.543B, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An (nay thuộc các xã Yên Na, Lượm Minh, Tương Dương, tỉnh Nghệ An).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo nền, mặt đường và công trình đoạn Km20+500 - Km37+00, ĐT.543B, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An (nay thuộc các xã Yên Na, Lượm Minh, Tương Dương, tỉnh Nghệ An) (sau đây gọi là Dự án) của Sở Xây dựng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại các xã: Yên Na, Lượm Minh, Tương Dương, tỉnh Nghệ An với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND xã Yên Na, Chủ tịch UBND xã Lượng Minh, Chủ tịch UBND xã Tương Dương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh (Phùng Thành Vinh);
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NN (TP, B. Tháng).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Thành Vinh

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÂNG CẤP, CẢI TẠO NỀN, MẶT ĐƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐOẠN KM20+500-KM37+00, ĐT.543B, HUYỆN TƯƠNG
DƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN (NAY THUỘC CÁC XÃ: YÊN NA, LƯỢNG
MINH, TƯƠNG DƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN)**

*(Kèm theo Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 04 / 8 /2025
của UBND tỉnh Nghệ An)*

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo nền, mặt đường và công trình đoạn Km20+500 - Km37+00, ĐT.543B, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An (nay thuộc các xã: Yên Na, Lượng Minh, Tương Dương, tỉnh Nghệ An).

- Địa điểm thực hiện: xã Yên Na, xã Lượng Minh và xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

- Chủ Dự án đầu tư: Sở Xây dựng Nghệ An.

1.2. Quy mô, công suất

- Cải tạo, nâng cấp đạt quy mô đường cấp V miền núi (TCVN 4054:2005), nền đường rộng $B_{nền} = 6,5$ m, mặt đường rộng $B_{mặt} = 3,5$ m, lề gia cố như kết cấu mặt đường rộng $B_{lề\ gia\ cố} = 2 \times 1,0 = 2,0$ m, lề đất rộng $B_{lề\ đất} = 2 \times 0,5 = 1,0$ m. Tải trọng cống H30 - XB80, tần suất thiết kế $P=4\%$ đối với cống và nền đường.

- Hệ thống an toàn giao thông: thiết kế theo Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

1.3. Phạm vi

1.3.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

1.3.1.1. Các hạng mục công trình của Dự án

a. Các hạng mục công trình chính:

- Tổng chiều dài tuyến 16,5 km; điểm đầu Km20+500 (ĐT.543B) thuộc địa phận xã Yên Na, huyện Tương Dương (nay là xã Yên Na, tỉnh Nghệ An); điểm cuối Km37 + 00 (ĐT.543B) thuộc địa phận xã Xá Lượng, huyện Tương Dương (nay là xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An).

- Bề rộng nền đường $B_{nền}=6,5$ m; bề rộng mặt đường $B_{mặt} = 3,5$ m; bề rộng lề gia cố $B_{lgc} = 2 \times 1,0$ m = 2,0 m với kết cấu như kết cấu mặt đường; bề rộng lề đất $B_{ld} = 2 \times 0,5$ m=1,0 m. Dốc ngang mặt đường hai mái $i_{mặt} = 3\%$; dốc ngang lề

đất $i_{\text{đ}} = 4\%$; siêu cao trong đường cong $i_{\text{scmax}} = 6\%$. Ta luy nền đường đắp 1/1,5, ta luy nền đường đào từ 1/0,75 - 1/1,25 tùy thuộc vào các lớp địa chất.

- Kết cấu mặt đường bằng lớp láng nhựa 3 lớp dày 3,5 cm, tiêu chuẩn nhựa 4,5 kg/m² trên các lớp móng đá dăm tiêu chuẩn.

- Nút giao: trên tuyến thiết kế 02 nút giao cùng mức tại Km20 + 800 và Km37 + 00; nút giao tại Km20 + 800: thiết kế bổ sung đầy đủ hệ thống an toàn giao thông; nút giao tại Km37 + 00: thiết kế cải tạo lại theo dạng ngã 3 cùng mức trên cơ sở nút giao hiện hữu và bổ sung đầy đủ hệ thống an toàn giao thông. Kết cấu mặt đường trong nút giao giống kết cấu tuyến chính.

- Đường ngang dân sinh: tại những vị trí giao với đường ngang dân sinh, thiết kế vượt nổi theo quy mô đường hiện trạng đảm bảo độ êm thuận cho xe lên xuống.

- Công trình thoát nước dọc:

- + Tại vị trí ngoài khu dân cư hoặc dân cư thưa thớt: thiết kế rãnh hở hình thang kích thước (0,4 x 1,2 x 0,4) m. Tại các vị trí qua cổng nhà dân bố trí tấm bản bằng bê tông cốt thép chịu lực. Các vị trí qua đường ngang thiết kế rãnh kín chịu lực hình chữ nhật, khẩu độ B = 0,8 m.

- + Các đoạn qua khu đông dân cư: thiết kế rãnh kín hình chữ nhật, khẩu độ B = 0,6 m.

- Công trình thoát nước ngang: trên tuyến có 85 cống các loại trong đó giữ nguyên 04 cống, thiết kế mới 69 cống, nối dài 12 cống. Khổ cống phù hợp với khổ nền đường, tải trọng thiết kế H30 - XB80, tần suất thiết kế P = 4%.

- Tường chắn: các đoạn đi qua khu vực địa hình có độ dốc ngang lớn, nguy cơ sạt lở cao được thiết kế tường chắn bằng rọ đá hoặc bê tông để đảm bảo ổn định nền đường.

b. Các hạng mục công trình phụ trợ: xây dựng các công trình gia cố, phòng hộ, an toàn giao thông.

1.3.1.2. Các hoạt động của Dự án đầu tư

- Giai đoạn thi công, xây dựng: hoạt động thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và rừng, hoạt động phát quang, giải phóng mặt bằng chuẩn bị mặt bằng thi công, nổ mìn phá đá, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải, phế thải.

- Giai đoạn vận hành: hoạt động bảo trì, duy tu công trình.

1.3.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường

Hoạt động bảo trì, duy tu các công trình của Dự án; hoạt động của các phương tiện giao thông trên tuyến.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất khoảng 25,34 ha thuộc vùng đệm Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An (trong đó có yêu cầu chuyển đổi khoảng 14,73 ha đất có rừng tự nhiên) là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Dự án chiếm dụng khoảng 40 ha gồm: đất rừng tự nhiên, đất rừng sản xuất, đất ở tại nông thôn, đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm...; làm giảm diện tích đất rừng, ảnh hưởng đến chức năng rừng tự nhiên và ảnh hưởng đến đời sống của các hộ dân bị thu hồi đất.

- Hoạt động phát quang thu dọn sinh khối thực vật, giải phóng mặt bằng chuẩn bị mặt bằng thi công, nổ mìn phá đá, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải, phế thải phát sinh tiếng ồn, rung chấn do nổ mìn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại có nguy cơ gây sạt lở, bồi lắng, ảnh hưởng đến dòng chảy, cảnh quan, đa dạng sinh học, hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ, cháy rừng, sụt trượt, xói lở...

- Hoạt động của của phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến trong giai đoạn vận hành phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải và nguy cơ gây ra sự cố sụt lún công trình.

- Hoạt động vận hành, bảo trì, duy tu, sửa chữa trên tuyến phát sinh chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a. Giai đoạn xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng: $4,8 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần chủ yếu gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

- Nước thải thi công xây dựng phát sinh khoảng $18 \text{ m}^3/\text{ngày}$, tương đương khoảng $9,0 \text{ m}^3/\text{ngày}/\text{công trường}$, từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, xịt rửa làm sạch bánh xe đối với phương tiện ra vào công trường. Thành phần chủ yếu chứa chất rắn lơ lửng (SS), váng dầu mỡ.

- Nước thải phát sinh từ máy trộn bê tông loại nhỏ với khối lượng khoảng $2,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn phát sinh lớn nhất dọc tuyến khoảng $1,3 \text{ m}^3/\text{giây}$ tương đương khoảng $4.680 \text{ m}^3/\text{giờ}$. Thành phần chủ yếu nước mưa chảy tràn cuốn trôi các chất bẩn từ bề mặt công trường và dọc tuyến thi công như: đất, cát, vật liệu xây dựng,...

b. Giai đoạn vận hành

Nước mưa chảy tràn phát sinh lớn nhất: dọc tuyến khoảng $2,7 \text{ m}^3/\text{giây}$ tương đương $9.720 \text{ m}^3/\text{giờ}$; thành phần chủ yếu là thành phần chủ yếu là đất, cát, cành lá cây, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a. Giai đoạn xây dựng

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phát quang sinh khối thực vật, hoạt động khoan nổ mìn phá đá, các hoạt động đào, đắp, san nền, lu, lèn, cấp phối; thi công các hạng mục công trình Dự án gồm: tuyến đường, hệ thống thoát nước, các hạng mục công trình phụ trợ trên tuyến; vận chuyển máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, đất đắp, đất đổ thải. Thành phần chủ yếu gồm bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, phương tiện thi công như khí NO_2 , SO_2 , CO, VOC,...

b. Giai đoạn vận hành

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường. Thành phần chủ yếu là khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông trên tuyến như NO_2 , CO, CO_2 , VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

a. Giai đoạn xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh khoảng 48

kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, kim loại,...

- Chất thải rắn từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng thi công phát sinh khoảng 877,2 tấn; thành phần chủ yếu gồm thân, cành lá, rễ, cỏ dại, cây bụi, dây leo và thực bì, cây cỏ,....

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phá dỡ trong phạm vi giải phóng mặt bằng phát sinh tổng thể khoảng 2.404,048 tấn.

- Đất, đá thải không sử dụng phát sinh trên toàn tuyến khoảng 542.149 m³;

- Chất thải rắn thông thường với tổng khối lượng khoảng 7,3 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu gồm bao bì carton, đầu mẫu thừa, sắt thép, vỏ bao xi măng, gạch vỡ, bê tông thừa,...

b. Giai đoạn vận hành

Hoạt động bảo trì, duy tu công trình phát sinh chất thải rắn khoảng 1 - 2 m³/đợt bảo dưỡng. Thành phần chủ yếu là bê tông, cọc tiêu hỏng,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a. Giai đoạn xây dựng

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu phát sinh khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 30,57 kg/tháng/công trường thi công; thành phần chủ yếu là dầu thải, giẻ lau dầu mỡ, ắc quy thải, pin thải, que hàn thải,...

b. Giai đoạn vận hành

Hoạt động vận hành, bảo trì các công trình và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến phát sinh khối lượng chất thải nguy hại khoảng 2,0 kg/đợt bảo dưỡng với thành phần chủ yếu là sơn thừa, dầu mỡ thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn xây dựng

Tiếng ồn và độ rung phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông vận tải, máy móc thi công, tiếng ồn và rung chấn phát sinh do hoạt động khoan, nổ mìn đào nền đường. Mức ồn, độ rung và chấn động do nổ mìn phát sinh ảnh hưởng tới các khu dân cư gần khu vực thi công khoan nổ mìn, các công trình kiên cố sẽ bị tác động bởi tiếng ồn, rung chấn do hoạt động nổ mìn.

b. Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn và độ rung phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông tham gia trên tuyến đường.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giải phóng mặt bằng tác động đến môi trường xã hội, ảnh hưởng đến giao thông khu vực.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình, hoạt động của máy móc thi công và các phương tiện vận chuyển ảnh hưởng đến an toàn giao thông tác động đến người dân sinh sống dọc tuyến đường vận chuyển và các khu dân cư hiện trạng dọc hai bên tuyến.

- Tác động do sạt lở, sụt trượt khi thi công đào đắp dọc tuyến.

- Xói lở, sụt trượt các bãi tiếp nhận đất đá thải không sử dụng của Dự án.

- Bồi lắng các khe suối cắt ngang tuyến tại các vị trí thi công công thoát nước ngang, lòng hồ thủy điện Nậm Non, sông Nậm Non do hoạt động thi công dọc tuyến và đổ thải.

- Tác động đến đa dạng sinh học dọc tuyến: hệ sinh thái rừng tự nhiên, vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An và các loài động thực vật, thủy sinh khu vực lòng hồ thủy điện Nậm Non, sông Nậm Non dọc tuyến thi công và đổ thải.

- Hoạt động tập trung công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực Dự án.

- Hoạt động do tập trung công nhân trên khu vực công trường tác động đến kinh tế - xã hội.

- Các rủi ro, sự cố có thể xảy ra: sự cố cháy cháy rừng, sạt lở đất, trượt lở bãi thải, ngập lụt, tai nạn giao thông, tai nạn lao động.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Giai đoạn xây dựng

- Đối với thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Lắp đặt tại mỗi công trường thi công 02 nhà vệ sinh di động để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ Quy trình: nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh di động → đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Tại mỗi công trường nước mưa chảy tràn sẽ được thu gom bằng rãnh

kích thước 0,4 m x 0,6 m xung quanh khu vực rồi dẫn về các hố lắng kích thước 1,0 m x 1,0 m x 1,0 m, khoảng cách 100m/hố; quy trình: nước mưa chảy tràn → hệ thống rãnh thu gom nước mưa vào hố lắng → lắng cặn → môi trường.

+ Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông trước và sau mỗi trận mưa, không để phế thải xây dựng xâm nhập vào khe, suối cắt ngang dọc tuyến thi công gây tắc nghẽn.

+ Ưu tiên thi công hệ thống thoát nước ngang, rãnh thoát nước dọc tuyến đường trước để đảm bảo công tác tiêu thoát nước trong mùa mưa đặc biệt là nước mưa chảy tràn từ sườn đồi đổ xuống dọc theo tuyến. Xử lý kịp thời khi xảy ra vấn đề ách tắc hệ thống thoát nước dọc tuyến Dự án.

- Nước thải thi công xây dựng:

+ Tại mỗi công trường, nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị, nước thải từ hoạt động xịt rửa bánh xe các phương tiện ra vào công trường và nước thải từ hoạt động trộn bê tông xi măng sẽ được thu gom vào bể lắng lọc 4 ngăn với thể tích 9,0 m³ đặt tại cổng ra vào công trường thi công (trong đó: ngăn thu gom có kích thước 1,0 m x 1,0 m x 1,5 m, ngăn tách dầu mỡ có kích thước 1,0 m x 1,0 m x 1,5 m, ngăn lắng cặn kích thước khoảng 1,0 m x 1,0 m x 1,5 m, ngăn chứa nước sau xử lý có kích thước 1,5 m x 1,5 m x 2,0 m).

+ Quy trình: nước thải thi công xây dựng → thu gom → tách dầu mỡ bằng vải lọc → lắng cặn → bể chứa → tuần hoàn tái sử dụng để tưới nước dập bụi trên công trường thi công. Vải lọc dầu được định kỳ 1 lần/1 tuần thu gom và quản lý như chất thải nguy hại.

b. Giai đoạn vận hành

Khi đi vào vận hành, hệ thống thoát nước của Dự án đã hoàn thành theo thiết kế nên việc tiêu thoát nước mưa chảy tràn được đảm bảo. Định kỳ kiểm tra, nạo vét, sửa chữa những điểm bị hỏng trên các rãnh tiêu thoát để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước dọc tuyến.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a. Giai đoạn xây dựng

- Giảm thiểu bụi từ hoạt động đào đắp nền đường:

+ Thi công theo tiến độ đã phê duyệt, theo phương pháp cuốn chiếu, thi công đến đâu gọn đến đó và dọn dẹp công trường thi công ngay sau khi hoàn thành;

+ Bố trí các biển báo hiệu như biển báo hạn chế tốc độ, biển báo công trường, biển báo nguy hiểm,... và các biển báo hiệu cần thiết khác ở cả 2 đầu đoạn tuyến và dọc tuyến ở các đoạn đang triển khai thi công;

+ Phun nước dọc tuyến thi công tại các đoạn qua khu dân cư khi thực hiện công tác đào đắp, lu lèn, đầm nén để giảm bụi phát tán với tần suất tối thiểu 2 lần/ngày và tăng tần suất 4 lần/ngày vào thời điểm khô nóng;

+ Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh trên tuyến đường vận chuyển. Các phương tiện xe, máy thi công được đăng kiểm và đúng quy định;

+ Sử dụng thiết bị khoan thủy lực nhằm thu gom bụi phát sinh ngay khi khoan; áp dụng phương pháp nổ mìn vi sai phi điện kết hợp thuốc nổ có tác dụng tích cực đến môi trường như Anfo để giảm thiểu phát tán bụi và khí thải; tuân thủ kỹ thuật nổ mìn an toàn theo quy định của pháp luật hiện hành; thông báo kế hoạch nổ mìn trước cho chính quyền địa phương.

- Giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đá đổ thải:

+ Xe vận tải chuyên chở đất đá, nguyên vật liệu cho quá xây dựng, xe chở đất thải phải lót kín sàn xe, thùng xe chở vật liệu rời phải được phủ bạt để giảm sự rơi vãi vật liệu, cát bụi, vật liệu,...trên đường vận chuyển và phát tán bụi;

+ Trong quá trình thi công tiến hành dứt điểm từng hạng mục, lập phương án thi công hợp lý, tiến hành thi công đồng bộ;

+ Phun nước giảm bụi, thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đoạn đường qua khu dân cư, tần suất phun nước làm ẩm được tăng cường, tối thiểu 04 lần/ngày vào những ngày không mưa;

+ Xịt rửa lốp làm sạch bánh xe ô tô trước khi ra khỏi công trường: bố trí vòi rửa lốp xe bám bùn đất trước khi rời khỏi công trường;

+ Quét dọn sạch sẽ đoạn tuyến nội bộ và đường tiếp cận qua khu dân cư vào cuối mỗi buổi làm việc.

- Giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị:

+ Tất cả các xe vận tải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ cho công tác triển khai thực hiện Dự án;

+ Phân phối lượng xe vận chuyển ra vào khu vực Dự án, điều tiết các máy móc làm việc phù hợp tránh làm tăng nồng độ các chất ô nhiễm không khí;

+ Sử dụng nhiên liệu đúng chất lượng quy định của máy móc, nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, có động cơ đốt trong có hiệu suất cao, tải lượng khí thải nhỏ, độ ồn thấp;

+ Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị thi công đảm bảo hoạt động trạng thái tốt nhất, hạn chế tiếng ồn và khói thải ở mức thấp nhất;

- + Đưa ra lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm;

- + Hạn chế tốc độ khi lưu thông tại các khu vực đông dân cư.

- Giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh từ công trường thi công:

- + Hạn chế thi công và vận chuyển vào giờ cao điểm từ 22 giờ đến 6 giờ sáng gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh và dọc tuyến đường vận chuyển;

- + Khi dùng xe đổ vật liệu tại các bãi chứa thực hiện ngay việc phun nước làm ẩm để giảm thiểu bụi;

- + Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân: giày, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang,...;

- + Hoàn thành dứt điểm theo hình thức thi công cuốn chiếu, không chừa việc lộ mặt đường cấp phối kéo dài để không gây tác động đến môi trường không khí do việc phát tán bụi vào mùa khô ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân trên công trường, các nhà dân xung quanh Dự án;

- + Thực hiện phun nước tưới ẩm với tần suất khoảng 02 lần/ngày, 3-4 lần/ngày đặc biệt là vào những ngày không mưa;

- + Thông báo trước cho các đối tượng có liên quan, bị ảnh hưởng về lịch trình vệ sinh mặt đường trước khi láng nhựa đường để chủ động có biện pháp phòng tránh các tác động. Hỗ trợ che chắn trước nhà dân, cơ sở trường học, cơ sở y tế để giảm thiểu bụi ảnh hưởng đến hoạt động.

b. Giai đoạn vận hành

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường trong giai đoạn vận hành.

- Khi tiến hành bảo dưỡng công trình cần có biển báo, hướng dẫn giao thông và dùng vòi nước làm ẩm khu vực bảo dưỡng trước khi tiến hành duy tu, bảo dưỡng để hạn chế bụi.

- Đặt biển báo quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế phân tuyến tại các đoạn phù hợp.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Giai đoạn xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 03 thùng chứa có dung tích 120 lít/thùng, có nắp đậy, dán nhãn để phân loại, thu gom chất thải rắn tại nguồn theo Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy

định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Chất thải sau khi thu gom, phân loại được hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý.

- Đối với chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải xây dựng: tận dụng một phần đất, đá đào với khối lượng khoảng 100.591,24 m³ để san nền công trường và đắp nền đường. Phần đất, đá không thể tận dụng khoảng 542.149 m³ được vận chuyển về 30 bãi đổ thải với tổng sức chứa khoảng 1.563.150 m³ đã được UBND các xã: Yên Na, Lượng Minh và Xá Lượng (nay là xã Tương Dương) xác nhận tại các phiếu điều tra bãi đổ thải phục vụ Dự án.

+ Tất cả các bãi đổ thải nằm bên phải tuyến Dự án.

+ Chất thải xây dựng khác như bao xi măng, sắt thép vụn, chai lọ... được thu gom, phân loại, tập trung để đơn vị vệ sinh môi trường vận chuyển đi xử lý. Ván, cột gỗ phục vụ xây dựng sau khi hoàn thành công trình được thu gom và bảo quản để sử dụng lại cho các công trình khác;

+ Hoàn trả nguyên trạng mặt bằng chiếm dụng đất cho địa phương bị ảnh hưởng trong quá trình thi công Dự án.

b. Giai đoạn vận hành

- Tuyên truyền nhân dân về ý thức bảo vệ môi trường, không đổ chất thải trên tuyến đường, hệ thống thoát nước dọc tuyến.

- Đơn vị tiếp nhận, quản lý và vận hành tuyến đường sẽ phối hợp với đơn vị làm công tác vệ sinh môi trường, dọn dẹp vệ sinh mặt đường và hai bên lề đường. Chất thải rắn phát sinh được đơn vị vệ sinh môi trường vận chuyển đi xử lý theo quy định ngay sau khi phát sinh.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a. Giai đoạn xây dựng

- Bố trí mỗi công trường 01 kho chất thải nguy hại có diện tích khoảng 5,0 m², nền xi măng, mái lợp tôn, cửa bằng tôn kín để lưu giữ chất thải nguy hại.

- Mỗi công trường trang bị 03 thùng chứa chuyên dụng, dung tích mỗi thùng 50 lít, có nắp đậy kín để thu gom: 01 thùng chứa dầu mỡ thải, 01 thùng chứa giẻ lau dính dầu, 01 thùng chứa các loại chất thải nguy hại khác như pin,... dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ, phân loại chất thải.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Đối với việc sửa chữa, duy tu bảo dưỡng lớn, bảo dưỡng định kỳ cho

phương tiện, thiết bị thi công sẽ đưa đến các cơ sở sửa chữa có đủ năng lực.

b. Giai đoạn vận hành

Các bộ phận quản lý đường tổ chức chịu trách nhiệm thu gom và hợp đồng với đơn vị xử lý theo đúng quy định của pháp luật (nếu có phát sinh).

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn xây dựng

- Có kế hoạch thi công hợp lý. Các thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn như máy khoan, máy đào,... không được hoạt động trong khoảng thời gian từ 21 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau; chỉ được tiến hành thi công trong khoảng thời gian sau 21h khi được sự đồng ý của chính quyền địa phương và đại diện của các khu dân cư này (trong trường hợp cần đẩy nhanh thi công để đảm bảo tiến độ Dự án).

- Hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh tác động cộng hưởng độ rung.

- Dự án thiết kế không thực hiện phương án nổ mìn tại khu vực tập trung dân cư. Đảm bảo khoảng cách an toàn đối với nhà dân và các công trình dọc tuyến thi công các đoạn có hoạt động khoan nổ mìn theo quy định tại QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ. Trong thời gian nổ mìn, phối hợp chính quyền địa phương và các cơ quan có chức năng không để người qua lại trong phạm vi hành lang an toàn nổ mìn và cảnh giới tuyến ĐT.543B qua khu vực nổ mìn phá đá thi công nền đường. Sử dụng các loại máy khoan đường kính lỗ khoan hợp lý cho công trình; che chắn tại các vị trí thi công nổ mìn gần dân cư và các công trình kiên cố bằng lưới B40, bao cát kết hợp tấm cao su để hạn chế đá văng; đền bù mọi thiệt hại nếu hoạt động thi công gây hư hại đến công trình.

- Điều tiết, bố trí xe vận chuyển hợp lý, hạn chế hoạt động vào giờ cao điểm tránh tắc nghẽn trên các tuyến đường, giảm mức độ ồn cũng như độ rung đối với người dân lưu thông trên đường và những hộ dân sống gần tuyến.

- Công nhân thi công trên công trường được trang bị bảo hộ lao động hạn chế hoặc chống ồn.

b. Giai đoạn vận hành

- Đặt biển báo quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế phân tuyến tại các đoạn phù hợp; cấm không cho xe chở quá trọng tải quy định.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái

- Phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền xác định phạm vi, ranh giới giải phóng mặt bằng, đảm bảo công tác thi công được triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; giám sát hoạt động phát quang, đảm bảo công tác giải phóng mặt bằng, tận thu lâm sản theo đúng quy định Luật Lâm nghiệp, không phát quang thảm thực vật ngoài ranh giới Dự án; hạn chế tối đa ảnh hưởng tới hệ sinh thái động, thực vật ngoài phạm vi Dự án.

- Phối hợp với UBND các xã Yên Na, xã Lượng Minh và xã Tương Dương thực hiện giám sát, bảo vệ sinh thái trong giai đoạn thi công của Dự án và thường xuyên giám sát, kiểm tra tại hiện trường nhằm đảm bảo các hoạt động thi công nằm trong ranh giới được phê duyệt; giám sát chặt chẽ lực lượng thi công xây dựng, đảm bảo không chặt hạ và làm ảnh hưởng đến cây rừng ngoài phạm vi thi công của Dự án; ngăn chặn mọi hành vi chặt phá cây rừng, săn bắn động vật hoang dã, mua bán động vật rừng, xâm hại cảnh quan, hệ sinh thái rừng.

- Giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học cho cán bộ, công nhân viên của Dự án. Nghiêm cấm công nhân có các hành vi xâm hại đa dạng sinh học khu vực thi công xây dựng.

- Tăng cường kiểm soát không để đất, đá rơi xuống lòng hồ và sông Nậm Non, các khe suối dọc tuyến, đất vườn của dân dọc tuyến thi công; bố trí cống thoát nước ngang đường với kích thước, khẩu độ phù hợp để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước theo đúng yêu cầu; bảo đảm mọi hoạt động của Dự án không gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của nhà máy thủy điện Nậm Non và hoạt động kinh tế dân sinh khác dọc tuyến Dự án.

4.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố úng ngập cục bộ: thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước dọc tuyến thi công, bảo đảm không để nước đọng, gây ngập úng cục bộ và sạt lở, sụt trượt dọc tuyến.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở, xói lở, sụt trượt và bồi lắng: thi công các hạng mục gần vị trí bờ suối, lòng hồ và sông Nậm Non theo đúng trình tự thi công và phương án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; không thi công các hạng mục liên quan đến an toàn vào mùa mưa lũ; không đắp, đổ thải tôn cao gây cản trở thoát lũ.

- An toàn bãi thải: tuân thủ việc đổ thải tại các bãi thải đã được chấp thuận. Chấp hành tuyệt đối quy trình đổ thải (chất thải đổ theo lớp, các lớp được lu lèn, sử dụng đá thải để kê rọ đá phòng chống sạt lở, sụt trượt, đảm bảo khả năng thoát nước và lu lèn chân bãi thải, san gạt đầm chặt đất đá thải ngay sau khi đổ thải); cấm biển cảnh báo, quản lý xe ra vào bãi đổ thải, áp dụng các biện pháp kỹ

thuật và quản lý bãi thải phù hợp nhằm phòng chống cuốn trôi, sạt lở đất, đá. Tuân thủ các quy trình vận chuyển, đổ thải, thực hiện giám sát an toàn bãi thải trong suốt quá trình hoạt động. Sau khi hoàn thành đổ thải, Chủ đầu tư Dự án phải thực hiện các giải pháp kỹ thuật để chống sạt lở, sụt trượt, phục hồi môi trường và quản lý theo quy định.

- Sự cố thi công nổ mìn phá đá dọc tuyến: đảm bảo khoảng cách an toàn trong quá trình nổ mìn tại các đoạn tuyến có hoạt động khoan, nổ mìn phá đá; tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế thi công được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra, nghiệm thu công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố; tuân thủ nghiêm ngặt quy định tại QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ; bố trí lưới chống đá văng lên bề mặt và sườn mặt thoáng khu vực chuẩn bị nổ mìn. Thông báo thời gian nổ mìn cho chính quyền địa phương và người dân được biết (từ 11 giờ đến 13 giờ vào buổi sáng và từ 16 giờ 30 phút đến 18 giờ).

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động: xây dựng các phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động; tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị bảo hộ lao động; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động; không tập kết vật tư, vật liệu, thiết bị, gần bờ khe suối suối, lòng hồ và sông Nậm Non.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, cháy rừng: ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, trình cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét, chấp thuận theo quy định trước khi thi công và tổ chức thực hiện theo phương án được phê duyệt. Phối hợp với Ban quản lý rừng phòng hộ Tương Dương, UBND các xã: Yên Na, Lượng Minh, Tương Dương quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng giám sát trong quá trình thi công theo quy định.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn giao thông: xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thi công, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công và tổ chức thực hiện theo đúng quy định; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công; lắp dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông.

4.4.3. Các công trình, biện pháp khác

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc thu hồi và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, rừng: phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, rừng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo đền bù đất, cây trồng trên đất và xây dựng phương án trồng rừng thay thế theo quy định, đảm bảo đủ và kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi thường, hỗ trợ; chỉ triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, rừng theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện thanh thải, dọn dẹp và cải tạo phục hồi môi trường tại các công trường thi công, dọc tuyến thi công các hạng mục công trình và khu vực các bãi đổ đất đá thải theo quy định, đảm bảo thoát nước, an toàn môi trường và cảnh quan khu vực Dự án.

- Đảm bảo hành lang bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa thủy điện; không gây sạt, lở bờ bãi sông hoặc gây sạt lở, sụt trượt ảnh hưởng đến sự ổn định, an toàn hồ đập nhà máy thủy điện Nậm Non và sông Nậm Non.

- Tháo bỏ các hạng mục công trường, thu gom và xử lý các loại chất thải theo đúng quy định; thanh thải lòng khe suối, lòng hồ thủy điện và sông Nậm Non dọc tuyến thi công; san gạt, đầm nén các vị trí thi công, bãi chứa đất đá, đá thải.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ Dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của Dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường nêu tại mục 4 trong Phụ lục này và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai Dự án.

5.2. Giám sát môi trường

Chủ Dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.2.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án trong giai đoạn xây dựng

a. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trong giai đoạn xây dựng:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ tạm thời các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho các đơn vị có chức năng phù hợp để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b. Giám sát khác: tình trạng sụt lún, trượt lở, sạt lở.

5.2.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án trong giai đoạn vận hành

Giám sát các yếu tố sụt lún, hư hỏng mặt đường trên tuyến theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu bảo vệ môi trường khác như sau:

6.1. Khoanh định phạm vi, ranh giới của Dự án và chỉ triển khai thực hiện Dự án sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, bảo tồn đa dạng sinh học, đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường, an toàn điện, phòng chống thiên tai, phòng cháy chữa cháy, giao thông, an toàn hồ đập trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và hoạt động của Dự án.

6.3. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường, các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất.

6.4. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp hạn chế tối đa các tác động, ảnh hưởng bất lợi tới cảnh quan, hệ sinh thái rừng, thủy sinh khu vực, hệ sinh thái nông nghiệp, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực Dự án.

6.5. Chỉ đạo thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, rừng và xây dựng phương án trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật hiện hành. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện khoanh định ranh giới Dự án, xác định các khu vực làm công trường thi công, vị trí đổ thải; chỉ được phép đổ các loại đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án tại đúng vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận; thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ vật liệu thải.

6.6. Tuyên truyền phổ biến giáo dục nâng cao ý thức của công dân thi công bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, không xâm hại tài nguyên rừng, đa

dạng sinh học khu vực Dự án; phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện quản lý, giám sát, đảm bảo ngăn ngừa mọi hành vi xâm hại, tác động tới hệ sinh thái động thực vật rừng, đa dạng sinh học, cảnh quan thiên nhiên ngoài phạm vi Dự án và thực hiện các biện pháp phối hợp phòng chống cháy rừng.

6.7. Tháo dỡ các công trình các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực tạm chiếm dụng, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

6.8. Trong quá trình thực hiện Dự án, trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi thực hiện Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

6.9. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cam kết thực hiện các nội dung đã thỏa thuận, thống nhất với cộng đồng dân cư trong quá trình hợp tham vấn cộng đồng.

6.10. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ chính xác, tin cậy của toàn bộ dữ liệu, các thông tin, số liệu và kết quả tính toán, đo đạc, các mốc tọa độ, số liệu về diện tích phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Dự án, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin, số liệu đã nêu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án. Tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng.

6.11. Điều chỉnh, bổ sung nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định (trừ các thông tin bí mật theo quy định của pháp luật) và cung cấp thông tin về môi trường theo quy định./.